

Số: 1.2./2024/CBTT-TMS LOGS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS**

Mã chứng khoán: TOT

Địa chỉ trụ sở chính: 429/8 đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3729 73 73

Fax:

Người thực hiện công bố thông tin: Tôn Thất Hưng

Địa chỉ: 429/8 đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (cơ quan): (028) 3729 73 73

Fax:

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics (chi tiết như file đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/03/2024 tại đường dẫn: <https://transimextrans.com.vn>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NCBTT (1)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**Tôn Thất Hưng**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

## **Công ty Cổ phần Transimex Logistics**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Transimex Logistics

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

# Công ty Cổ phần Transimex Logistics

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Transimex Logistics (“Công ty”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“SGDCK HN”) với mã TOT theo Quyết định số 731/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 429/8 Song Hành Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên	
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2024
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2024

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban	
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên	
Ông Lê Thanh Tình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023

### GIÁM ĐỐC

Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trịnh Anh Tuấn.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tôn Thất Hưng.

Ông Trịnh Anh Tuấn được Ông Tôn Thất Hưng ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 07/2022/UQ-TOT ngày 9 tháng 12 năm 2022.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Transimex Logistics

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Transimex Logistics (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trịnh Anh Tuấn  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12812243/66926326

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Transimex Logistics**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Transimex Logistics (“Công ty”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Giám đốc***

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

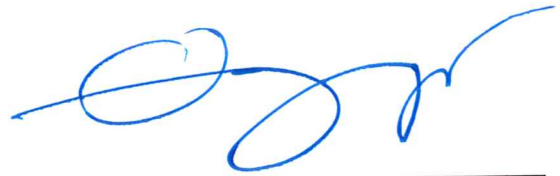
### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2023-004-1



Ngô Trần Quang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 5629-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>85.595.307.561</b>	<b>86.253.329.681</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>17.826.535.575</b>	<b>6.766.050.251</b>
111	1. Tiền		17.826.535.575	6.766.050.251
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>64.144.398.111</b>	<b>76.193.241.129</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	33.921.523.218	24.352.142.897
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	4.670.134.992	6.992.652.909
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	26.102.232.736	45.397.938.158
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(549.492.835)	(549.492.835)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>428.170.684</b>	<b>253.221.531</b>
141	1. Hàng tồn kho		428.170.684	253.221.531
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.196.203.191</b>	<b>3.040.816.770</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	3.196.203.191	3.040.816.770
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>97.915.240.121</b>	<b>66.436.406.413</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>850.534.420</b>	<b>201.827.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	850.534.420	201.827.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>93.144.937.681</b>	<b>65.426.913.334</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	93.079.625.171	65.337.850.832
222	Nguyên giá		169.581.052.921	128.655.001.276
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(76.501.427.750)	(63.317.150.444)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	65.312.510	89.062.502
228	Nguyên giá		142.250.000	142.250.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(76.937.490)	(53.187.498)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.484.628.150</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.484.628.150	-
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>435.139.870</b>	<b>807.666.079</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	435.139.870	807.666.079
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>183.510.547.682</b>	<b>152.689.736.094</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>93.052.239.494</b>	<b>81.941.529.098</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>90.452.393.595</b>	<b>80.066.529.098</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	72.305.659.092	45.245.391.134
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		86.686.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.383.649.993	2.202.078.789
314	4. Phải trả người lao động		10.186.351	2.673.563.600
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	921.558.798	1.885.335.442
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	913.397.239	884.568.354
320	7. Vay ngắn hạn	16	10.060.215.636	26.750.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	2.771.040.486	425.591.779
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.599.845.899</b>	<b>1.875.000.000</b>
338	1. Vay dài hạn	16	2.599.845.899	1.875.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>90.458.308.188</b>	<b>70.748.206.996</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18.1</b>	<b>90.458.308.188</b>	<b>70.748.206.996</b>
411	1. Vốn cổ phần		60.444.860.000	54.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		60.444.860.000	54.950.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.013.448.188	15.798.206.996
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.303.346.996	4.208.953.268
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		19.710.101.192	11.589.253.728
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>183.510.547.682</b>	<b>152.689.736.094</b>

Phạm Đông Đức  
Người lập

Nguyễn Bảo Huy  
Kế toán trưởng



Trình Anh Tuấn  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	19.1	248.428.898.783	160.596.283.843
11	2. Giá vốn cung cấp dịch vụ	20	(194.549.711.290)	(126.063.350.698)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		53.879.187.493	34.532.933.145
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	12.876.560	14.978.348
22	5. Chi phí tài chính	21	(2.002.059.145)	(660.146.870)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(1.966.053.077)	(627.661.328)
25	6. Chi phí bán hàng		(61.260.000)	(3.282.000)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(23.977.065.325)	(18.088.643.372)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.851.679.583	15.795.839.251
31	9. Thu nhập khác	23	58.938.390	498.351.853
32	10. Chi phí khác	23	(136.409.329)	(3.252.125)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	23	(77.470.939)	495.099.728
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.774.208.644	16.290.938.979
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(5.628.027.529)	(3.265.438.221)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		22.146.181.115	13.025.500.758
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.4	3.261	1.917
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.4	3.261	1.917

Phạm Đông Đức  
Người lập

Nguyễn Bảo Huy  
Kế toán trưởng

Tịnh Anh Tuấn  
Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>27.774.208.644</b>	<b>16.290.938.979</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9, 10	16.286.261.059	9.157.142.317
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(109.260.000)
05	Lỗi (lãi) từ hoạt động đầu tư		90.774.769	(513.330.201)
06	Chi phí lãi vay	21	1.966.053.077	627.661.328
<b>08</b>	<b>Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>46.117.297.549</b>	<b>25.453.152.423</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		15.299.011.727	(47.815.820.747)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(174.949.153)	136.823.341
11	Tăng các khoản phải trả		3.555.199.192	13.098.530.445
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		217.139.788	(820.316.729)
14	Lãi vay đã trả		(1.156.826.169)	(349.176.300)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(4.573.888.221)	(1.924.045.213)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.238.459.180	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.329.090.396)	(1.766.789.110)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>59.192.353.497</b>	<b>(13.987.641.890)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(32.808.897.175)	(10.276.262.641)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		629.090.907	601.851.853
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		12.876.560	14.978.348
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(32.166.929.708)</b>	<b>(9.659.432.440)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	16	54.754.891.124	26.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	16	(70.719.829.589)	(375.000.000)
36	Cổ tức đã trả		-	(3.801.864.080)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(15.964.938.465)</b>	<b>21.823.135.920</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>11.060.485.324</b>	<b>(1.823.938.410)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>	<b>4</b>	<b>6.766.050.251</b>	<b>8.589.988.661</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>17.826.535.575</b>	<b>6.766.050.251</b>

Phạm Đông Đức  
Người lập

Nguyễn Bảo Huy  
Kế toán trưởng



Tùng Anh Tuấn  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã TOT theo Quyết định số 731/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 429/8 Song Hành Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 290 (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 241).

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	2 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 4 năm
Phương tiện vận tải	2 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 3 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đang xây dựng và các phương tiện vận tải đang hoàn thiện thủ tục pháp lý và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, giá mua và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

*Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.*

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.17 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ vận tải hàng hóa. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	453.529.986	962.700.615
Tiền gửi ngân hàng	<u>17.373.005.589</u>	<u>5.803.349.636</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.826.535.575</u></b>	<b><u>6.766.050.251</u></b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	23.705.548.829	5.917.503.251
Công ty TNHH Coats Phong Phú	11.661.023.843	-
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	1.299.462.024	-
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	1.192.860.000	1.728.982.800
Các khách hàng khác	9.552.202.962	4.188.520.451
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	<u>10.215.974.389</u>	<u>18.434.639.646</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>33.921.523.218</u></b>	<b><u>24.352.142.897</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(549.492.835)</u>	<u>(549.492.835)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>33.372.030.383</u></b>	<b><u>23.802.650.062</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**  
(tiếp theo)

**5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hoàng Phi Hải	2.625.000.000	-
Công ty Cổ phần Vân Nam	1.273.876.129	2.537.200.000
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	429.268.759	51.005.272
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Phú Hưng	-	4.201.815.643
Khách hàng khác	341.990.104	202.631.994
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.670.134.992</u></b>	<b><u>6.992.652.909</u></b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.102.232.736</b>	<b>45.397.938.158</b>
Chi hộ	19.175.426.133	32.160.378.141
Tạm ứng cho nhân viên	6.553.150.143	12.764.198.513
Ký quỹ, ký cược	248.980.000	321.980.000
Khác	124.676.460	151.381.504
<b>Dài hạn</b>	<b>850.534.420</b>	<b>201.827.000</b>
Ký quỹ, ký cược	850.534.420	201.827.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.952.767.156</u></b>	<b><u>45.599.765.158</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 26)</i>	15.466.972.009	30.495.821.610
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	11.485.795.147	15.103.943.548

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	428.170.684	253.221.531

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.196.203.191</b>	<b>3.040.816.770</b>
Công cụ, dụng cụ	2.826.716.837	2.010.291.720
Phí bảo hiểm	265.201.744	504.304.739
Khác	104.284.610	526.220.311
<b>Dài hạn</b>	<b>435.139.870</b>	<b>807.666.079</b>
Công cụ, dụng cụ	404.365.280	417.772.711
Chi phí bảo trì	30.774.590	389.893.368
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.631.343.061</u></b>	<b><u>3.848.482.849</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	350.000.000	1.023.400.000	126.745.601.276	536.000.000	128.655.001.276
Tăng trong năm	8.050.700.384	-	36.686.327.258	-	44.737.027.642
Thanh lý	-	-	(3.810.975.997)	-	(3.810.975.997)
Số cuối năm	<u>8.400.700.384</u>	<u>1.023.400.000</u>	<u>159.620.952.537</u>	<u>536.000.000</u>	<u>169.581.052.921</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	350.000.000	180.000.000	20.601.637.922	266.000.000	21.397.637.922
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu năm	(350.000.000)	(340.283.319)	(62.338.367.125)	(288.500.000)	(63.317.150.444)
Khấu hao trong năm	(805.070.028)	(214.449.984)	(15.152.991.055)	(90.000.000)	(16.262.511.067)
Thanh lý	-	-	3.078.233.761	-	3.078.233.761
Số cuối năm	<u>(1.155.070.028)</u>	<u>(554.733.303)</u>	<u>(74.413.124.419)</u>	<u>(378.500.000)</u>	<u>(76.501.427.750)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	<u>-</u>	<u>683.116.681</u>	<u>64.407.234.151</u>	<u>247.500.000</u>	<u>65.337.850.832</u>
Số cuối năm	<u>7.245.630.356</u>	<u>468.666.697</u>	<u>85.207.828.118</u>	<u>157.500.000</u>	<u>93.079.625.171</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (*)</i>	-	-	7.175.470.267	-	7.175.470.267

(\*) Công ty đã thế chấp các xe đầu kéo, xe tải và một ô tô con cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam như đề cập tại *Thuyết minh số 16*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	142.250.000
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	47.250.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	(53.187.498)
Hao mòn trong năm	(23.749.992)
Số cuối năm	(76.937.490)
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	89.062.502
Số cuối năm	65.312.510

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phương tiện vận tải	2.173.348.150	-
Chi phí cải tạo văn phòng	1.311.280.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.484.628.150</b>	-

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	61.018.005.707	35.732.377.436
Phải trả các bên bên khác	11.287.653.385	9.513.013.698
<i>Công ty TNHH Thương mại Và Dịch vụ</i>		
<i>Nguyên Giang</i>	2.113.400.000	-
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xăng</i>		
<i>dầu An Thịnh Phát</i>	1.279.030.330	3.528.627.770
<i>Công ty TNHH Song Toàn</i>	1.239.840.000	-
<i>Công ty TNHH Liên Sơn Logistics</i>	1.122.184.800	-
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại</i>		
<i>Xuất nhập khẩu Thủ Đức – Cửa Hàng</i>		
<i>Xăng Dầu Phú Hữu</i>	1.088.016.830	788.123.589
<i>Khác</i>	4.445.181.425	5.196.262.339
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.305.659.092</b>	<b>45.245.391.134</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

				VND
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.921.764.377	5.628.027.529	(4.573.888.221)	2.975.903.685
Thuế giá trị gia tăng	194.220.537	22.076.375.732	(22.044.428.669)	226.167.600
Thuế thu nhập cá nhân	86.093.875	1.080.057.644	(984.572.811)	181.578.708
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.202.078.789</u></b>	<b><u>28.787.460.905</u></b>	<b><u>(27.605.889.701)</u></b>	<b><u>3.383.649.993</u></b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí thực hiện dịch vụ	824.433.255	-	
Chi phí thuê nhà kho	-	1.795.943.985	
Khác	97.125.543	89.391.457	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>921.558.798</u></b>	<b><u>1.885.335.442</u></b>	

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Quỹ hỗ trợ nhân viên	717.398.105	745.720.605	
Kinh phí công đoàn	127.500.000	-	
Khác	68.499.134	138.847.749	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>913.397.239</u></b>	<b><u>884.568.354</u></b>	

# Công ty Cổ phần Transimex Logistics

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 16. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	VND Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>26.750.000.000</b>	<b>52.526.891.124</b>	<b>(70.408.668.932)</b>	<b>1.191.993.444</b>	<b>10.060.215.636</b>
Vay từ bên liên quan	26.000.000.000	-	(26.000.000.000)	-	-
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	-	52.526.891.124	(43.658.668.932)	-	8.868.222.192
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16.2)	750.000.000	-	(750.000.000)	1.191.993.444	1.191.993.444
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.875.000.000</b>	<b>2.228.000.000</b>	<b>(311.160.657)</b>	<b>(1.191.993.444)</b>	<b>2.599.845.899</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	1.875.000.000	2.228.000.000	(311.160.657)	(1.191.993.444)	2.599.845.899
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.625.000.000</b>	<b>54.754.891.124</b>	<b>(70.719.829.589)</b>	<b>-</b>	<b>12.660.061.535</b>

### 16.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	<u>8.868.222.192</u>	4,5 – 5,8	3	Từ ngày 21 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 3 năm 2024	Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Transimex

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VAY** (tiếp theo)

**16.2 Vay dài hạn từ ngân hàng**

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán tiền mua tài sản cố định được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Kỳ hạn Tháng</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam					
Khoản vay 1	1.875.000.000	7,5	48	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2024 đến ngày 10 tháng 5 năm 2026	Các xe đầu kéo, xe tải và một ô tô con trình bày ở <i>Thuyết minh số 9</i>
Khoản vay 2	1.015.200.000	10,9	60	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2024 đến ngày 13 tháng 4 năm 2028	
Khoản vay 3	901.639.343	10,9	60	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2024 đến ngày 15 tháng 2 năm 2028	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.791.839.343</u></b>				
<i>Trong đó</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.191.993.444				
<i>Vay dài hạn</i>	2.599.845.899				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	425.591.779	756.133.859
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.436.079.923	1.436.247.030
Nhận từ Công ty mẹ (*)	2.238.459.180	-
Giảm trong năm	<u>(2.329.090.396)</u>	<u>(1.766.789.110)</u>
Số cuối năm	<u>2.771.040.486</u>	<u>425.591.779</u>

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 19/NQ.HĐQT NK6-TMS ngày 4 tháng 3 năm 2024 và theo Quyết định số 54/QĐ-TMS-CT.HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Transimex – Công ty mẹ của Công ty đã thông qua việc điều chuyển quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 2.238.459.180 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã nhận toàn bộ số tiền nêu trên.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>			
Số đầu năm	54.950.000.000	8.055.453.268	63.005.453.268
Lợi nhuận thuần trong năm	-	13.025.500.758	13.025.500.758
Trích lập các quỹ	-	(1.436.247.030)	(1.436.247.030)
Cổ tức đã công bố	-	<u>(3.846.500.000)</u>	<u>(3.846.500.000)</u>
Số cuối năm	<u>54.950.000.000</u>	<u>15.798.206.996</u>	<u>70.748.206.996</u>
<b>Năm nay</b>			
Số đầu năm	54.950.000.000	15.798.206.996	70.748.206.996
Lợi nhuận thuần trong năm	-	22.146.181.115	22.146.181.115
Trích lập các quỹ	-	(2.436.079.923)	(2.436.079.923)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	<u>5.494.860.000</u>	<u>(5.494.860.000)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>60.444.860.000</u>	<u>30.013.448.188</u>	<u>90.458.308.188</u>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/NQ.ĐHĐCĐ-TMSLOG ngày 25 tháng 3 năm 2023, Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường số 02/NQ.ĐHĐCĐ-TOT/2023 ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/NQ.HĐQT-TMSLOGS/2023 ngày 26 tháng 6 năm 2023, Công ty đã công bố việc chia cổ tức bằng cổ phiếu theo mức 10% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông với giá trị là 5.494.860.000. Theo đó, vào ngày 11 tháng 8 năm 2023 Công ty đã hoàn tất việc phát hành 549.486 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Vào ngày 11 tháng 9 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 phê duyệt việc tăng vốn cổ phần lên 60.444.860.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm	54.950.000.000	54.950.000.000
Tăng trong năm	5.494.860.000	-
Số cuối năm	60.444.860.000	54.950.000.000
<b>Cổ tức</b>		
<b>Cổ tức công bố trong năm</b>	<b>5.494.860.000</b>	<b>3.846.500.000</b>
Cổ tức năm 2023: 1.000 VND/cổ phiếu (năm 2022: 700 VND/cổ phiếu)	5.494.860.000	3.846.500.000
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>	<b>5.494.860.000</b>	<b>3.801.864.080</b>
Cổ tức bằng cổ phiếu	5.494.860.000	-
Cổ tức bằng tiền	-	3.801.864.080

**18.3 Cổ phiếu phổ thông**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	6.044.486	5.495.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.044.486	5.495.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.044.486	5.495.000

**18.4 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	22.146.181.115	13.025.500.758
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(2.436.079.923)	(1.436.247.030)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>19.710.101.192</b>	<b>11.589.253.728</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành ( <i>cổ phiếu</i> ) (**)	6.044.486	6.044.486
Lãi cơ bản (VND)	3.261	1.917
Lãi suy giảm (VND)	3.261	1.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.4 Lãi trên cổ phiếu** (tiếp theo)

- (\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh giảm cho khoản ước tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023.
- (\*\*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2022 để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ chia cổ tức bằng cổ phiếu theo mức 10% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải	230.739.190.722	154.376.120.968
Doanh thu dịch vụ khác	<u>17.689.708.061</u>	<u>6.220.162.875</u>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>248.428.898.783</u></b>	<b><u>160.596.283.843</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	162.221.202.729	137.174.655.896
<i>Các bên khác</i>	<u>86.207.696.054</u>	<u>23.421.627.947</u>

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	<u>12.876.560</u>	<u>14.978.348</u>

**20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cung cấp	<u>194.549.711.290</u>	<u>126.063.350.698</u>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.966.053.077	627.661.328
Chi phí khác	<u>36.006.068</u>	<u>32.485.542</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.002.059.145</u></b>	<b><u>660.146.870</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	10.795.893.994	11.339.010.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.499.481.525	5.459.236.216
Chi phí khấu hao và hao mòn	828.820.020	108.020.837
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	80.000.000	70.000.000
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(109.260.000)
Khác	4.772.869.786	1.221.635.395
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.977.065.325</u></b>	<b><u>18.088.643.372</u></b>

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>58.938.390</b>	<b>498.351.853</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	498.351.853
Thu nhập khác	58.938.390	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>(136.409.329)</b>	<b>(3.252.125)</b>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	(103.651.329)	-
Các khoản phạt	(32.758.000)	(3.252.125)
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>(77.470.939)</u></b>	<b><u>495.099.728</u></b>

**24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.323.576.316	46.485.668.616
Chi phí nhiên vật liệu	51.025.102.876	59.703.971.824
Chi phí lương nhân viên	50.038.966.578	27.622.835.918
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	16.286.261.059	9.157.142.317
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(109.260.000)
Khác	4.914.129.786	1.294.917.395
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>218.588.036.615</u></b>	<b><u>144.155.276.070</u></b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>5.628.027.529</u>	<u>3.265.438.221</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>27.774.208.644</u></b>	<b><u>16.290.938.979</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	5.554.841.729	3.258.187.796
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	<u>73.185.800</u>	<u>7.250.425</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>5.628.027.529</u></b>	<b><u>3.265.438.221</u></b>

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn
Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban Ban Kiểm soát
Ông Lê Thanh Tình	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát
	từ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
			<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	145.016.280.315	130.922.073.593
	Chi hộ	122.492.605.275	36.056.651.780
	Trả vay	26.000.000.000	-
	Mua tài sản cố định	15.962.751.780	30.242.024.000
	Sử dụng dịch vụ	8.010.326.364	4.124.179.501
	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.147.500.000	-
	Nhận phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.238.459.180	-
	Lãi vay	678.273.972	492.424.590
	Đi vay	-	23.000.000.000
	Nhận cổ tức bằng tiền	-	2.903.250.000
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	2.384.752.964	2.958.967.506
	Chi hộ	559.747.734	752.112.159
	Sử dụng dịch vụ	137.488.042	154.000
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	871.978.000	1.651.771.000
	Chi hộ	392.191.500	479.058.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Sử dụng dịch vụ	1.119.766.350	-	-
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	13.068.381.754	20.606.903	-
	Cung cấp dịch vụ	4.656.404.017	1.641.843.797	-
	Chi hộ	640.130.377	-	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	Cung cấp dịch vụ	467.328.400	-	-
	Sử dụng dịch vụ	147.504.415	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Cung cấp dịch vụ	8.720.036.969	-	-
	Chi hộ	843.343.379	-	-
	Sử dụng dịch vụ	207.926.266	-	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Sử dụng dịch vụ	1.150.505	19.285.358	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Sử dụng dịch vụ	2.600.000	-	-
	Cung cấp dịch vụ	61.800.000	-	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	8.915.144.111	17.217.737.682	-
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Cung cấp dịch vụ	651.256.416	922.294.724	-
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Cung cấp dịch vụ	326.632.282	-	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	Cung cấp dịch vụ	213.108.840	-	-
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	74.813.760	119.397.240	-
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	35.018.980	175.210.000	-
		<b><u>10.215.974.389</u></b>	<b><u>18.434.639.646</u></b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Transimex	Chi hộ	15.201.047.108	30.430.732.365	
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Chi hộ	225.136.026	-	
Công ty Cổ phần Vinafreight	Chi hộ	15.991.740	55.897.505	
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Chi hộ	24.797.135	9.191.740	
		<b>15.466.972.009</b>	<b>30.495.821.610</b>	
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Transimex	Mua nguyên giá tài sản cố định	46.204.775.780	30.242.024.000	
	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ từ mua tài sản cố định	3.696.382.062	2.419.361.920	
	Sử dụng dịch vụ	5.610.081.091	2.495.692.372	
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	5.360.850.134	-	
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	Sử dụng dịch vụ	145.916.640	-	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Sử dụng dịch vụ	-	575.299.144	
		<b>61.018.005.707</b>	<b>35.732.377.436</b>	
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Transimex	Sử dụng dịch vụ	551.265.950	-	
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Transimex	Vay ngắn hạn	-	26.000.000.000	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Giám đốc và Ban Kiểm soát (“BKS”) trong năm như sau:

			VND	
	Chức vụ	Năm nay	Năm trước	
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	914.366.293	211.125.500	
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	678.180.241	562.812.124	
Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch HĐQT	200.000.000	15.000.000	
Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên HĐQT	133.333.333	51.000.000	
Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban BKS	133.333.333	6.000.000	
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên BKS	93.333.333	3.000.000	
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên HĐQT	66.666.667	18.000.000	
Ông Lê Thanh Tình	Thành viên BKS bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023	54.444.444	-	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS từ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023	38.888.889	3.000.000	
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên BKS từ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022	-	9.000.000	
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT từ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022	-	24.000.000	
Ông Nguyễn Đức Nguyên	Trưởng ban BKS từ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022	-	18.000.000	
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Chủ tịch HĐQT từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022	-	6.000.000	
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022	-	6.000.000	
Bà Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	Thành viên BKS từ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022	-	9.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>2.312.546.533</u></b>	<b><u>941.937.624</u></b>	

**27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	6.604.646.462	749.196.534
Từ 1 năm đến 5 năm	15.349.508.942	-
Trên 5 năm	55.839.542.446	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>77.793.697.850</u></b>	<b><u>749.196.534</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2024/NQ.HĐQT-TOT ngày 1 tháng 3 năm 2024, Công ty đã phát hành 2.326.309 cổ phiếu phổ thông cho Công ty Cổ phần Transimex để hoán đổi nợ với tổng giá trị là 30.242.017.000 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến việc phát hành và tăng vốn này.

Ngoại trừ sự kiện được trình bày phía trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Phạm Đông Đức  
Người lập



Nguyễn Bảo Huy  
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2024



## **EY | Building a better working world**

**EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.**

**Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.**

**Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.**

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn) | [ey.com/vi\\_vn](https://ey.com/vi_vn)

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TRANSIMEX LOGISTICS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2024/CV-TMS LOGS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu  
năm 2023 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của tổ chức, quy định giải trình: “Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước”.

Công ty Cổ phần Transimex Logistics giải trình số liệu chênh lệch kết quả kinh doanh năm 2023 so với năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.596.283.843	248.428.898.783	87.832.614.940	54,69%
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.532.933.145	53.879.187.493	19.346.254.348	56,02%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.088.643.372	23.977.065.325	5.888.421.953	32,55%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.025.500.758	22.146.181.115	9.120.680.357	70,02%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 đạt số tiền là 22.146.181.115 đồng, tương ứng tăng 70,02% so với cùng kỳ năm 2022 (13.025.500.758 đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng.

Trân trọng cảm ơn.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CÔNG TY



Trần Thất Hưng

Chủ tịch Hội đồng quản trị